

Số: 701/2020/QĐST-HNGĐ

Quận Y, ngày 23 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 611/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: Xóm 5, thôn An Hà 3, xã N, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: 202/13 Tổ 80, Khu phố 3, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Trần Xuân Ánh D, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: Xóm 1, thôn Phú Văn, xã N, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: 202/13 Tổ 80, Khu phố 3, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2017 (Giấy chứng nhận kết hôn Số 39 do UBND xã N, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 15/3/2017). Nay ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D không có.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí bà D nộp. Ông H – bà D thỏa thuận: Bà D tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn Số 39 do UBND xã N, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 15/3/2017 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Tuấn H và bà Trần Xuân Ánh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Xuân Ánh D tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà Trần Xuân Ánh D được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0104686 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Xuân Ánh D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận Y, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận Y, TPHCM;
- UBND xã N, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN**Nguyễn Thanh Sang**